

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG MỸ  
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 27/2024/DS-ST  
Ngày: 18-6-2024  
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lữ Thành Đồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Anh

Ông Lâm Quang Sô

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Huỳnh Mỹ Phương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2023/TLST-DS, ngày 15 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C.

Địa chỉ: Số A L, H, H, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Quốc V – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện L (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1965 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Thanh X, sinh năm: 1990 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn **Ngân hàng C** trình bày:

Căn cứ hợp đồng tín dụng số 6600000705932877 ngày 09/11/2015, vay chương trình hộ nghèo với người đứng tên là bà **Nguyễn Thị D**, người thừa kế là anh **Trần Văn X1**, số tiền cho vay 30.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 6,6%/năm, mục đích sử dụng vốn chăn nuôi heo sinh sản, thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 09/10/2017, số tiền lãi đã trả là 836.000 đồng và ngưng cho đến nay.

Căn cứ hợp đồng tín dụng số 6600000705959162 ngày 09/11/2015, vay chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn với người đứng tên là bà **Nguyễn Thị D**, người thừa kế là anh **Trần Văn X1**, số tiền cho vay 10.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 9%/năm, mục đích sử dụng vốn xây dựng công trình nước sạch và vệ sinh, thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 09/11/2020, số tiền lãi đã trả 402.685 đồng và ngưng cho đến nay.

Khi đến hạn trả nợ, bà **D**, anh **X1** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Mặc dù đã được Ủy ban nhân dân xã **L**, Hội đoàn thể nhận ủy thác xã **L**, Tổ trưởng Tổ tiết kiệm và vay vốn, cán bộ **Ngân hàng Đ** trả nợ nhiều lần.

Nay, **Ngân hàng C** khởi kiện yêu cầu bà **Nguyễn Thị D**, anh **Trần Thanh X** thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay tính đến ngày xét xử 18/6/2024 là 53.446.405 đồng (trong đó nợ gốc là 40.000.000 đồng, lãi là 13.446.405 đồng), yêu cầu tiếp tục tính lãi suất cho đến khi trả hết nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn **Nguyễn Thị D** và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan **Trần Thanh X** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của đương sự.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn **Ngân hàng C** khởi kiện yêu cầu bà **Nguyễn Thị D**, anh **Trần Thanh X** thanh toán nợ. Xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Căn cứ theo quy định tại Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Đối với bị đơn **Nguyễn Thị D** và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan **Trần Thanh X**, Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa hôm nay tiếp tục vắng mặt không lý do. Căn cứ vào quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhưng vẫn đảm bảo quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng C**, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Giữa **Ngân hàng C** và bà **Nguyễn Thị D**, ông **Trần Thanh X** có thỏa thuận vay tiền với nhau.

Căn cứ vào sổ vay vốn; Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 29/10/2015 và sổ lưu tờ rơi theo dõi cho vay, thu nợ, dư nợ có mã món vay số 6600000705932877 thì **Ngân hàng C** đã giải ngân cho bà **Nguyễn Thị D**, ông **Trần Thanh X** với số tiền vốn là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Sau khi nhận nợ bà **Nguyễn Thị D**, ông **Trần Thanh X** chỉ trả số tiền lãi được 836.000 đồng thì ngưng không trả nữa.

Căn cứ sổ vay vốn; Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 29/10/2015 và sổ lưu tờ rơi theo dõi cho vay, thu nợ, dư nợ có mã món vay số 6600000705959162 thì **Ngân hàng C** đã giải ngân cho bà **Nguyễn Thị D**, ông **Trần Thanh X** với số tiền vốn là 10.000.000 đồng. Sau khi nhận nợ bà **Nguyễn Thị D**, ông **Trần Thanh X** chỉ trả lãi được 402.685 đồng thì ngưng không trả nữa.

Do bà **Nguyễn Thị D**, ông **Trần Thanh X** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên **Ngân hàng C** yêu cầu phải trả số tiền vay còn nợ là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2.2]. Đối với yêu cầu tính lãi của **Ngân hàng C** thấy rằng: Theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay đã ký kết các bên thỏa thuận lãi suất cho vay lần lượt là 6,6%/năm đối với khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 6600000705932877 và 9%/năm đối với khoản vay theo hợp đồng tín dụng số

6600000705959162. Do bà Nguyễn Thị D, ông Trần Thanh X vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng C yêu cầu bà Nguyễn Thị D, ông Trần Thanh X phải trả lãi theo như thỏa thuận là phù hợp với quy định tại Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng.

[2.3]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận vay tiền của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và pháp luật khác có liên quan. Bà Nguyễn Thị D, ông Trần Thanh X đã vay tiền của Ngân hàng C thì phải có nghĩa vụ trả tiền vay cho Ngân hàng theo như thỏa thuận. Vì vậy, Ngân hàng C yêu cầu bà Nguyễn Thị D, anh Trần Thanh X trả số tiền vay còn nợ tổng cộng là 53.446.405 đồng (trong đó nợ gốc là 40.000.000 đồng, lãi là 13.446.405 đồng), yêu cầu tiếp tục tính lãi suất cho đến khi trả hết nợ là có căn cứ chấp nhận.

[3]. Về án phí: Căn cứ 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 233 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2019/NQHĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng.

*Tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C đối với bà Nguyễn Thị D, anh Trần Thanh X.

Buộc bà Nguyễn Thị D, anh Trần Thanh X có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C tổng số tiền vay còn nợ là 53.446.405 đồng (trong đó nợ gốc là 40.000.000 đồng, lãi là 13.446.405 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị D, anh Trần Thanh X phải chịu là 2.672.320 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/6/2024). Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Long Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Long Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Lữ Thành Đồng**